

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C.....
	Ngày: 04/6.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị; Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND; Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh về trình tự, thủ tục đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 357/SXD-HT ngày 06/5/2014; ý kiến của các Sở, ngành: Giao thông Vận tải, Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; Báo cáo kết quả thẩm định số 380/BC-STP ngày 27/4/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTr Tỉnh ủy, TTtr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học tỉnh;
- Các Phòng VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD₁;
- Gửi: VB giấy và điện tử.

Hoàng Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND
ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số nội dung về quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, bao gồm: Công trình ngầm đô thị và đường đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đang hoạt động tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có liên quan đến việc lập quy hoạch, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý vận hành, khai thác và bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị được xây dựng hoàn chỉnh* là hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư xây dựng đạt yêu cầu đồ án quy hoạch xây dựng theo từng giai đoạn; đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

2. *Công trình ngầm đô thị* là những công trình được xây dựng dưới mặt đất tại đô thị, bao gồm: Công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm, các công trình đầu mối kỹ thuật ngầm và phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất, công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuy nèn kỹ thuật.

3. *Sử dụng tạm thời một phần lòng đường và vỉa hè trong Quy định này* là các hoạt động liên quan đến sử dụng tạm thời một phần bề mặt lòng đường và vỉa hè trong phạm vi, điều kiện cho phép.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, đất đai, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông; các quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đảm bảo đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật tại các tuyến đường, vỉa hè, tránh việc đào, lấp nhiều lần, gây lãng phí trong đầu tư, gây

khó khăn cho nhân dân trong sinh hoạt, đi lại, ảnh hưởng đến môi trường khu vực và sản xuất, sinh hoạt của đô thị.

3. Khi có chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, các chủ đầu tư công trình trên địa bàn đô thị có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan về quản lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, như: Giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, ...vv, để thống nhất bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 4. Yêu cầu về đấu nối công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị

1. Việc đấu nối kỹ thuật các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Vị trí đấu nối kỹ thuật phải tuân thủ các quy hoạch xây dựng đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp công trình chưa được xác định trong quy hoạch xây dựng thì phải có thỏa thuận bằng văn bản của cấp có thẩm quyền.

b) Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật quy định phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng công trình.

c) Đáp ứng yêu cầu đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đã có.

2. Thỏa thuận đấu nối: Khi thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, chủ đầu tư xây dựng công trình phải có thỏa thuận bằng văn bản với chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình được đấu nối.

3. Thực hiện đấu nối: Trước khi thi công công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo kế hoạch và tiến độ thi công đấu nối công trình đến cơ quan, địa phương, đơn vị thỏa thuận đấu nối để giám sát và phối hợp thực hiện.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH NGẦM ĐÔ THỊ

Điều 5. Quản lý về thiết kế xây dựng

1. Thiết kế công trình ngầm đô thị phải tuân thủ theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch chi tiết được phê duyệt, thì phải được thỏa thuận về vị trí, hướng tuyến và các thông số quy hoạch khác của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc thiết kế xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của từng loại công trình, bảo đảm đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị, lập và quy định quy trình vận hành sử dụng và quy định bảo trì công trình.

3. Tư vấn thiết kế phải tính toán, dự báo nhu cầu sử dụng đường dây, đường ống kỹ thuật để xác định quy mô hào kỹ thuật hoặc cống bê phù hợp với kế hoạch, quy hoạch phát triển đô thị bền vững lâu dài, bảo đảm môi trường và các quy định liên quan khác.

Điều 6. Quản lý thi công xây dựng công trình ngầm

1. Trước khi thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thông báo việc khởi công xây dựng công trình đến cơ quan cấp phép xây dựng, ngoài ra đối với công trình đường dây, đường ống ngầm, hào và cống bể kỹ thuật phải thông báo khởi công đến UBND xã, phường, thị trấn tại khu vực và các chủ công trình liên kề các công trình xây dựng ngầm để phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình thi công.

2. Nhà thầu xây dựng phải có biện pháp thi công bảo đảm an toàn cho công trình ngầm, công trình lân cận và bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

Điều 7. Giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình ngầm, chủ đầu tư phải có Giấy phép xây dựng, trừ trường hợp miễn Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Hồ sơ cấp Giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị, gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;
- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định;

- Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, văn bản cho phép và thoả thuận về hướng tuyến của cấp có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan;

- Báo cáo khảo sát địa chất kèm theo Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát địa chất (đối với công trình yêu cầu phải khảo sát địa chất theo quy định);

- Hai bộ bản vẽ thiết kế được trích từ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công có ký tên, đóng dấu của tổ chức, các nhân thiết kế và đơn vị thẩm tra, gồm:

- + Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/1000;

- + Bản vẽ mặt bằng tổng thể của công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

- + Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn, tỷ lệ 1/50 - 1/200; Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn, tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực theo từng giai đoạn, tỷ lệ 1/100- 1/500.

- + Bản vẽ hệ thống phòng cháy chữa cháy, tỷ lệ 1/50-1/200 được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chữa cháy.

3. Quy trình xin cấp phép xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012.

4. Điều chỉnh cấp phép xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định 64/2012/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012.

5. Gia hạn cấp phép xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định 64/2012/NĐ-CP.

6. Cấp lại giấy phép xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định 64/2012/NĐ-CP.

7. Thẩm quyền cấp phép: Thực hiện theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Sở Xây dựng tổ chức cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình ngầm đô thị cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; Công trình xây dựng cấp III trên các tuyến phố chính có lộ giới $\geq 35\text{m}$ của đô thị loại IV trở lên hoặc trên các tuyến quốc lộ và đường Hồ Chí Minh (trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này).

b) Ban Quản lý khu kinh tế cấp giấy phép đối với các công trình ngầm đô thị thuộc dự án do Ban quản lý cấp giấy chứng nhận đầu tư.

c) UBND huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là cấp huyện) cấp giấy phép xây dựng các công trình ngầm đô thị còn lại.

Chương III

QUẢN LÝ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

Mục 1

SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, VÍA HÈ ĐÔ THỊ

Điều 8. Sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè

Lòng đường, hè đường đô thị được phép sử dụng ngoài mục được giao thông theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông đường bộ, Nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị trong các trường hợp sau:

1. Sử dụng và khai thác một phần lòng đường đô thị làm nơi để xe, giữ xe.

Việc sử dụng một phần lòng đường đô thị làm nơi để xe thực hiện theo Điều 25b, 25c Nghị định 100/2013/NĐ-CP. Đối với các tuyến đường đủ điều kiện đỗ xe dưới lòng đường có thu phí, UBND cấp huyện phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng và Công an tỉnh xác định danh mục các tuyến đường, trình UBND tỉnh quyết định đảm bảo quy định sau:

a) Không thuộc tuyến quốc lộ đi qua đô thị.

b) Phù hợp với quy hoạch bến, bãi đỗ xe được phê duyệt.

c) Yêu cầu về chiều rộng lòng đường: Phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện có bề rộng tối thiểu bố trí đủ 02 làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ cho một chiều đi.

d) Vị trí cho phép để xe dưới lòng đường không chắn ngang che khuất tầm nhìn lối ra vào đường hẻm, các lối ra vào công trình nhà cao tầng, khu vực siêu thị, chợ và trung tâm thương mại, các công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, y tế, tôn giáo, cơ quan ngoại giao, công sở,...

đ) Việc để xe dưới lòng đường không gây cản trở cho các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường; không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt và các hoạt động bình thường của tổ chức, cơ quan, hộ gia đình hai bên đường phố.

2. Sử dụng và khai thác lòng đường vào các mục đích khác thực hiện theo Điều 25b Nghị định 100/2013/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định 11/2010/NĐ-CP, Phần II Mục IV.3 Thông tư 04/2008/TT-BXD, quy định như sau:

a) Đối với hoạt động đào lòng đường để sửa chữa các công trình ngầm, phạm vi thi công phải đảm bảo mặt đường còn lại đủ bố trí 2 làn xe theo 2 chiều khác nhau (đường 2 chiều) hoặc 1 làn xe (đường 1 chiều). Trong trường hợp phạm vi thi công không đảm bảo diện tích mặt đường để bố trí làn xe cho các phương tiện giao thông, đơn vị thi công phải có biển báo hướng dẫn lộ trình thay thế đường đi qua khu vực có công trường thi công.

Các trường hợp khác khi thi công công trình hoặc hạng mục công trình trong phạm vi đường đô thị phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ Giao thông Vận tải về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đường bộ đang khai thác.

b) Đối với hoạt động xã hội, thời gian chiếm dụng lòng đường không quá 24 giờ và giới hạn phạm vi lòng đường xin phép sử dụng không vượt quá bề rộng 1/2 bề rộng lòng đường. Trước khi tiến hành các hoạt động văn hóa, cơ quan, tổ chức xin phép sử dụng phải gửi văn bản đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để thỏa thuận bằng văn bản và được hướng dẫn về công tác tổ chức giao thông.

Trong trường hợp hoạt động này được tiến hành trên mặt bằng rộng (sử dụng hơn bề rộng 1/2 bề rộng lòng đường hoặc thời gian chiếm dụng lòng đường kéo dài hơn 24 giờ) thì cơ quan, tổ chức tiến hành hoạt động xã hội phải gửi văn bản và phương án đảm bảo an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trước ngày diễn ra hoạt động xã hội ít nhất là 10 ngày làm việc. Nội dung văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung, chương trình, thời gian sử dụng đường bộ. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét, thống nhất bằng văn bản về phương án đảm bảo giao thông, ra thông báo hạn chế hoặc phân luồng giao thông và hướng dẫn về công tác tổ chức giao thông; cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ để hoạt động xã hội phải đăng tải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước 05 ngày diễn ra hoạt động đó.

Cơ quan, tổ chức chủ trì hoạt động xã hội chịu trách nhiệm thu dọn các phương tiện, thiết bị và hoàn trả hiện trạng đường bộ khi kết thúc hoạt động xã

hội; chịu trách nhiệm về việc mất an toàn giao thông do không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong phương án đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền thống nhất.

c) Đối với hoạt động trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội.

Các điểm trông giữ xe phải bảo đảm thuận lợi cho người đi bộ, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và không ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của hộ gia đình và cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp nhà, công trình xây dựng dọc tuyến đường. Thời gian sử dụng tạm thời lòng đường không quá thời gian tổ chức hoạt động văn hóa đó.

d) Đối với điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị: UBND cấp huyện chỉ xem xét việc cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt trên nguyên tắc không gây cản trở giao thông cho người đi bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

Thời gian cho phép thực hiện từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau, sau đó phải trả lại nguyên trạng lòng đường.

đ) Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông không được gây mất trật tự, an toàn giao thông.

3. Sử dụng và khai thác tạm thời vỉa hè thực hiện theo Điều 25c Nghị định 100/2013/NĐ-CP và Phần II Mục IV.9, Mục IV.14 Thông tư 04/2008/TT-BXD, quy định như sau:

a) Sử dụng và khai thác tạm thời vỉa hè cho công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội (nội dung hoạt động theo quy định của pháp luật).

Việc cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè đối với hoạt động này được xem xét trên nguyên tắc không gây cản trở giao thông cho người đi bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh và mỹ quan đô thị.

Thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 15 ngày; trường hợp thời gian sử dụng tạm thời lớn hơn 15 ngày phải được sự chấp thuận của Bộ Giao thông Vận tải đối với quốc lộ hoặc chấp thuận của UBND tỉnh đối với các hệ thống đường địa phương.

b) Điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội.

Các điểm trông giữ xe phải bảo đảm thuận lợi cho người đi bộ, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và không ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của hộ gia đình và cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp nhà, công trình xây dựng dọc tuyến đường. Thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá thời gian tổ chức hoạt động văn hóa đó.

c) Điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình.

UBND cấp huyện chỉ xem xét việc cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình trên nguyên tắc không gây cản trở giao thông cho người đi bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh và mỹ quan đô thị.

Thời gian cho phép thực hiện từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau, sau đó phải trả lại nguyên trạng vỉa hè. Tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè không được tự ý đào bới, xây dựng làm biến dạng lòng đường và vỉa hè.

d) Hoạt động trông giữ xe công cộng có thu phí: Cơ quan có thẩm quyền chỉ xem xét việc cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe đạp, xe mô tô có thu phí tại các vị trí, địa điểm nằm trong danh mục khu vực, tuyến đường đã được UBND cấp huyện, Sở Giao thông Vận tải và Công an tỉnh thống nhất sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè, được UBND tỉnh phê duyệt.

Các điểm trông giữ xe công cộng trên vỉa hè có thu phí phải bảo đảm thuận lợi cho người đi bộ, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và không ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của hộ gia đình và cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp nhà, công trình xây dựng dọc tuyến đường đó.

đ) Hoạt động phục vụ việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa: Việc cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè vào việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa chỉ áp dụng tại các tuyến đường nằm trong danh mục công trình và tuyến đường đặc thù được phép sử dụng vỉa hè vào kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa. UBND cấp huyện lập danh mục công trình và tuyến đường này gửi Sở Giao thông Vận tải thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định.

e) Hoạt động tổ chức tiệc cưới, tang lễ:

- Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần vỉa hè phục vụ cho việc cưới, việc tang lễ phải thông báo với UBND cấp xã nơi cư trú (không phải cấp phép). Thời gian sử dụng tạm cho mục đích này được quy định không quá 48 giờ.

- UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và giám sát các hộ gia đình, cá nhân việc sử dụng tạm thời một phần vỉa hè cho việc cưới, việc tang lễ để không ảnh hưởng lối đi cho người đi bộ, mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường.

g) Kích thước, khoảng cách, diện tích và thời gian được sử dụng tạm thời vỉa hè do UBND cấp huyện quyết định nhưng phải đảm bảo như sau:

- Phải phù hợp với đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt.

- Đảm bảo bề rộng tối thiểu sử dụng dành cho người đi bộ (C) theo bảng:

Chiều rộng vỉa hè (B)	Chiều rộng tối thiểu dành cho người đi bộ (C)	Giới hạn sử dụng tạm thời vỉa hè (D)
$B \leq 3,0 \text{ m}$	$C = B$	$D = 0$
$3,0\text{m} < B \leq 4,5\text{m}$	$C = 1,5\text{m}$	$1,5\text{m} \leq D < 3,0\text{m}$
$4,5\text{m} > B \leq 6,0 \text{ m}$	$C = 2,0\text{m}$	$2,5\text{m} \leq D < 4,0\text{m}$
$B > 6\text{m}$	$C = 3,0\text{m}$	$D > 3,0\text{m}$

- Khu vực vỉa hè được cấp phép sử dụng tạm thời phải đảm bảo không chắn ngang lối ra vào đường hẻm; không nằm trước mặt tiền của các công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, y tế, tôn giáo, cơ quan ngoại giao, công sở...

- Việc sử dụng vỉa hè phải đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường, không làm hư hỏng kết cấu vỉa hè, tạo lối đi thông thoáng cho người đi bộ và không ảnh hưởng đến tầm nhìn của người sử dụng các phương tiện giao thông.

Điều 9. Về đầu tư xây dựng, sửa chữa vỉa hè

1. Việc đầu tư xây dựng, sửa chữa vỉa hè phải tuân thủ theo các Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Việc sử dụng các mẫu thiết kế bó vỉa, vật liệu xây dựng vỉa hè được xây dựng theo yêu cầu tạo thuận lợi cho người đi bộ, xe gắn máy (lên, xuống), đảm bảo thuận lợi cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng và thân thiện với môi trường.

2. Kinh phí xây dựng, sửa chữa vỉa hè được lấy từ nguồn kinh phí đầu tư dự án xây dựng đường đô thị, từ các nguồn hợp pháp khác, vốn sự nghiệp kinh tế và kiến thiết đô thị (nếu có) và phần nguồn thu của việc cấp phép xây dựng được để lại cho ngân sách các huyện, thành phố, thị xã;

3. Khuyến khích hình thức xã hội hóa việc đầu tư xây dựng, sửa chữa vỉa hè; tổ chức, các nhân được phép tiến hành xây dựng, sửa chữa vỉa hè bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo hướng dẫn về mẫu thiết kế và thủ tục xây dựng của UBND cấp huyện.

Điều 10. Về bảo quản lòng đường, vỉa hè

1. Tổ chức, cơ quan, hộ gia đình, các nhân phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Tổ chức, cơ quan có trụ sở tiếp giáp với vỉa hè phải có trách nhiệm tham gia đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị tại khu vực vỉa hè, lòng đường trước trụ sở tổ chức, cơ quan.

3. Hộ gia đình, cá nhân có nhà riêng; các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng sử dụng tiếp giáp với vỉa hè phải có trách nhiệm tham gia giữ gìn vệ sinh tại khu vực vỉa hè, lòng đường phía trước nhà. Tổ chức, cơ quan, hộ gia đình và các nhân có trách nhiệm không để người khác vi phạm quy định về bảo quản lòng đường và vỉa hè tại khu vực đô thị nói chung và phía trước trụ sở tổ chức, cơ quan, nhà riêng; trường hợp xảy ra vi phạm phải thông báo ngay với chính quyền địa phương để xử lý.

Điều 11. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường

1. Dọc theo tuyến đường thi công phải lắp dựng rào chắn và lắp dựng biển báo, đèn báo hiệu (vào ban đêm) hoặc cờ báo hiệu (vào ban ngày), phải bố trí người thường xuyên hướng dẫn giao thông, không để xảy ra tai nạn và ùn tắc giao thông trong phạm vi công trường.

2. Tại những vị trí đường hẹp vừa làm, vừa đảm bảo giao thông thì phải bố trí người hướng dẫn, điều khiển đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt. Trường hợp không thể vừa thi công, vừa đảm bảo giao thông nhất thiết phải xây dựng tuyến tránh để đảm bảo giao thông và an toàn cho thi công.

3. Trong khi chưa thi công hoặc trong quá trình thi công:

a) Cấm việc tập kết vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, máy móc, xe máy chuyên dùng tại công trường khi chưa cần đến;

b) Cấm để vật liệu rời như cát, đá, xi măng, gạch... rơi vãi trên mặt đường;

c) Việc tập kết vật tư, vật liệu sử dụng không để tồn lưu qua ngày. Khi vật liệu còn thừa phải vận chuyển đến nơi quy định, tạo sự thông thoáng cho đường phố.

4. Những công nhân tham gia thi công trên đường nhất thiết phải mặc quần áo bảo hộ lao động, ban đêm áo bảo hộ lao động phải có phản quang.

5. Khi đào rãnh ngang đường mà chưa kịp lắp đặt phần kỹ thuật chuyên ngành xong thì rãnh đào phải được tái lập tạm mặt đường, bằng cách lấp đầy cát để bù cao độ và 20cm đá (2x4) phía trên bằng cao độ mặt đường hiện có. Đơn vị thi công phải cử người có mặt tại rãnh đào để giải quyết sự cố lún sụt, bong bật (nếu có), quét dọn đá văng ra khỏi rãnh đào, thường xuyên tưới nước rãnh đào để giảm bớt bụi, cho đến khi hoàn tất phần tái lập nhựa (hoặc cấp phối) mặt rãnh đào.

6. Khối lượng đất đá đào lên phải được bốc ngay lên phương tiện vận tải chuyên ra khỏi công trường, thu dọn sạch sẽ lòng lề đường trong phạm vi công trường. Phương tiện vận tải phục vụ thi công các bánh xe phải sạch trước khi ra khỏi công trường. Khi thi công để vật tư rơi, trôi vào hệ thống thoát nước đơn vị đào hè đường phải nạo vét trả lại nguyên trạng ban đầu và thông báo trước cho đơn vị quản lý hệ thống thoát nước biết để kiểm tra, theo dõi; Nếu không tự thực hiện được thì phải thuê đơn vị quản lý hệ thống thoát nước nạo vét.

7. Đơn vị thi công không được trộn vữa hồ, bê tông xi măng trong phạm vi mặt đường; nghiêm cấm: Đốt, nấu nhựa trực tiếp trên mặt, lề, hè đường phố, để vật liệu lỏng như: Nhựa đường, bê tông...v.v làm chảy hoặc văng ra mặt đường gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường.

Điều 12. Thẩm quyền và thủ tục cấp phép

1. Hồ sơ xin cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường (thành phần hồ sơ gồm một 01 bộ):

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tạm thời của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng một phần vỉa hè, lòng đường.

b) Bản vẽ vị trí mặt bằng đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường. Bản vẽ phải thể hiện rõ vị trí sử dụng, kích thước sử dụng.

c) Bản cam kết tự di chuyển, di dời hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý đường đô thị.

d) Văn bản pháp lý khác (nếu có) liên quan đến nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường.

Trường hợp thi công xây dựng, sửa chữa công trình thì yêu cầu phải có bản sao giấy phép xây dựng hoặc sửa chữa do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội, tuyên truyền phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền cấp phép:

a) Ban Quản lý khu kinh tế cấp giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường trong khu vực thuộc Ban quản lý.

b) UBND cấp huyện cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường trường hợp còn lại.

3. Thời gian giải quyết:

a) Kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp phép nhận đủ hồ sơ hợp lệ, việc cấp phép sử dụng phải được thực hiện trong thời gian: 7 ngày làm việc.

b) Trường hợp không giải quyết việc cấp phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép để biết trong vòng 03 ngày làm việc.

4. Cơ quan cấp giấy phép gửi quyết định cấp giấy phép tới Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp xã (địa bàn nơi tổ chức, cá nhân xin cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè), tổ chức, cá nhân xin cấp phép, các đơn vị liên quan để tổ chức và phối hợp thực hiện.

5. Đối với việc sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường, thời hạn cấp phép không quá 6 tháng cho mỗi lần cấp phép.

Điều 13. Gia hạn giấy phép

1. Trước thời điểm hết hạn của giấy phép, nếu có nhu cầu thì các tổ chức cá nhân phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép. Thời gian gia hạn của giấy phép bằng với thời gian cấp phép sử dụng trước đó và chỉ áp dụng một lần. Sau thời gian gia hạn này, tổ chức và cá nhân tiếp tục có nhu cầu sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường thì phải tiến hành xin cấp phép mới.

2. Thủ tục xin gia hạn bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng một phần vỉa hè, lòng đường (không kèm bản vẽ);

b) Giấy phép cũ (bản chính).

3. Thời gian giải quyết: không quá 05 (năm) ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp.

4. Cơ quan gia hạn giấy phép có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc gia hạn giấy phép đến Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp xã (địa bàn nơi tổ chức, cá nhân xin cấp phép) để biết và theo dõi giám sát việc thực hiện.

Điều 14. Thu hồi giấy phép

1. Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Điều kiện an toàn giao thông của các phương tiện đi lại trên tuyến đường không được đảm bảo, do ảnh hưởng của việc sử dụng vỉa hè, lòng đường không vì mục đích giao thông tạo ra.

b) Có yêu cầu đình chỉ hoạt động hoặc hoặc giải tỏa của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

c) Bị cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra lập biên bản vi phạm về trật tự an toàn giao thông đến lần thứ 2 đối với hành vi vi phạm có liên quan việc sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường.

d) Chủ sử dụng vỉa hè, lòng đường không thực hiện đúng mục đích ghi trong Giấy phép.

đ) Chủ sử dụng vỉa hè, lòng đường không còn nhu cầu sử dụng hoặc có đề nghị ngưng sử dụng vỉa hè, lòng đường không vì mục đích giao thông.

2. Cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, có quyền ra quyết định thu hồi Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường.

Điều 15. Về thu phí

1. Phí sử dụng tạm thời lòng đường và vỉa hè được thực hiện theo Quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phí sử dụng tạm thời vỉa hè không bao gồm chi phí hoàn trả lại hiện trạng vỉa hè.

3. Việc thu phí sử dụng tạm thời vỉa hè được thực hiện đối với tất cả các trường hợp phải xin cấp phép sử dụng.

4. Việc thu phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường được thực hiện đối với các tuyến đường đủ điều kiện để đậu xe dưới lòng đường có thu phí, đã được UBND tỉnh chấp thuận danh mục và có lắp đặt biển báo, sơn đường cho phép đậu xe có thu phí.

Mục 2

CÔNG TÁC ĐÀO VÀ HOÀN TRẢ MẶT ĐƯỜNG

Điều 16. Những trường hợp được đào đường

1. Đào đường để lắp đặt các công trình ngầm.
2. Đào đường để lắp đặt các công trình trên mặt đường, kể cả các việc trồng cây xanh, dựng biển báo và các công việc tạm thời như thăm dò, khảo sát địa chất.
3. Đào đường để xử lý sự cố đột xuất về kỹ thuật của các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
4. Đào đường để thi công duy tu bảo dưỡng, sửa chữa đường của đơn vị quản lý đường đô thị.
5. Đào đường để thi công sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đường theo các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Đào đường để lắp đặt đồng hồ đo điện, nước cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Điều 17. Thẩm quyền và thủ tục cấp Giấy phép đào đường đô thị

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào đường đô thị để xây dựng, lắp đặt các công trình ngầm đô thị, công trình trên vỉa hè đường đô thị phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Thẩm quyền cấp Giấy phép đào đường đô thị:
 - a) Ban Quản lý khu kinh tế cấp giấy phép đào đường đô thị trong khu vực thuộc Ban quản lý.
 - b) UBND cấp huyện cấp phép đào đường đô thị trường hợp còn lại.
3. Chủ đầu tư nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan cấp giấy phép, bao gồm:
 - a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép đào đường đô thị;
 - b) Các bản vẽ thiết kế thể hiện mặt bằng, mặt cắt ngang đường thể hiện rõ vị trí các công trình ngầm hiện có; vị trí đào, kích thước và phạm vi đào, kết cấu hiện hữu;
 - c) Phương án thi công bao gồm biện pháp tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và tiến độ thi công;
 - d) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp tổ chức thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - đ) Bản cam kết tự di chuyển, di dời hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý đường đô thị.
 - e) Trường hợp đường đô thị trùng với tỉnh lộ, quốc lộ thì phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

g) Trường hợp các công trình đào hè, lòng đường cần hạn chế giao thông phải có phương án phân luồng giao thông. Phương án phân luồng giao thông phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở quản lý chuyên ngành.

4. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giao giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả Giấy phép. Thời gian cấp Giấy phép đào đường đô thị tối đa không quá 7 ngày làm việc kể từ khi cơ quan thụ lý nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không giải quyết được phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép.

5. Thời hạn Giấy phép đào đường tối đa không quá 12 tháng. Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa được khởi công, thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gồm đơn đề nghị và hồ sơ Giấy phép đào đường đã được cấp. Thời gian cấp gia hạn Giấy phép đào đường là 05 ngày làm việc, thời hạn gia hạn Giấy phép tối đa không quá 06 tháng.

6. Chủ đầu tư và đơn vị thi công phải tiến hành hoàn trả lại mặt đường, vỉa hè ngay sau khi lắp đặt xong các hạng mục công trình cần lắp đặt. Kết cấu hoàn trả tương đương với kết cấu mặt đường, vỉa hè hiện có.

Điều 18. Quy định về việc cấm đào đường

1. Cấm đào đường vào thời gian từ 5 giờ đến 22 giờ trên các tuyến đường chính, tập trung đông người. Trừ trường hợp đặc biệt nhằm khắc phục sự cố hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải đào đường. UBND cấp huyện công bố công khai danh mục các tuyến đường chính này theo đồ án quy hoạch xây dựng đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn quản lý về an toàn giao thông, mỹ quan đô thị tại địa phương.

2. Đối với trường hợp thi công đào đường bằng máy khoan ngang sẽ được xem xét cụ thể từng trường hợp để cho phép thi công vào ban ngày (nhằm tránh tiếng ồn vào ban đêm).

3. Đối với trường hợp thi công công trình ngầm qua các tuyến quốc lộ và các tuyến phố chính yêu cầu nhà thầu phải sử dụng thiết bị đào ngầm để thi công.

Điều 19. Đảm bảo tiến độ khi thi công đào và hoàn trả mặt đường

1. Các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép đào đường phải thi công đúng thời gian được cấp Giấy phép. Chỉ được xin điều chỉnh Giấy phép (gia hạn, bổ sung) trong trường hợp do các nguyên nhân sau: Thiên tai, bão lụt, do vướng mặt bằng chưa giải tỏa xong, các sự cố cần xử lý kỹ thuật làm chậm tiến độ thi công công trình; đơn vị phải lập lại tiến độ các công việc để xin điều chỉnh Giấy phép. Trường hợp không có lý do chính đáng thì không được điều chỉnh Giấy phép để không làm ảnh hưởng đến kế hoạch chung của các ngành, các đơn vị khác.

2. Khi đào đường, các đơn vị thi công phải thực hiện đúng kích thước rãnh đào và tái lập mặt đường theo đúng kết cấu công trình ban đầu và các quy định ghi trong Giấy phép; đồng thời chịu trách nhiệm chất lượng phân tái lập mặt đường trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Xây dựng

a) Là cơ quan đầu mối tổng hợp và quản lý chung, hướng dẫn lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cải tạo, bảo trì và phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Đề xuất với UBND tỉnh ban hành các quy định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị;

c) Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành lập các đề án phát triển cho từng lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật nhằm hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện các quy định về quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, báo cáo UBND tỉnh;

đ) Phổ biến và tập huấn các văn bản pháp luật liên quan đến việc quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

2. Sở Giao thông Vận tải

a) Thực hiện trách nhiệm trong công tác phối hợp với UBND cấp huyện về quản lý, bảo trì, nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, hệ thống tình lộ đi qua đô thị;

b) Phối hợp với UBND cấp huyện và Công an tỉnh tham mưu ban hành danh mục các khu vực, tuyến đường có vị trí, địa điểm được sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè; danh mục các công trình, tuyến đường được phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè vào việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa, danh mục các tuyến đường cho phép đậu xe dưới lòng đường;

c) Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, Sở Xây dựng và chính quyền địa phương tăng cường kiểm tra giám sát việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè ngoài mục đích giao thông;

d) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trong đô thị;

đ) Phối hợp với UBND cấp huyện đánh giá tổng kết quá trình quản lý và sử dụng thí điểm vỉa hè, lòng đường sau 06 tháng thực hiện; đề xuất kế hoạch thực hiện tiếp theo, báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương

a) Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước chuyên ngành được UBND tỉnh phân công, ủy quyền trong việc quản lý đầu tư xây dựng và sử dụng công trình chuyên ngành thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Thường xuyên kiểm tra thực hiện khai thác sử dụng công trình chuyên ngành thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đúng theo các quy định;

c) Phối hợp Sở Xây dựng lập chiến lược ngành, kế hoạch dài hạn để phát triển bền vững các công trình hạ tầng kỹ thuật do ngành quản lý;

d) Phối hợp với UBND cấp huyện nhằm tăng cường quản lý công trình chuyên ngành thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải trong việc xây dựng quy định về mức thu và quản lý phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè không vì mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Cục Thuế tỉnh trong việc theo dõi giám sát mức thu phí sử dụng lòng đường, vỉa hè;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở xây dựng chuyên ngành tham mưu cho UBND tỉnh cân đối vốn từ Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

d) Hướng dẫn việc thu và quản lý phí sử dụng tạm thời lòng đường và vỉa hè theo quy định của pháp luật.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư cho phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở xây dựng chuyên ngành tham mưu cho UBND tỉnh cân đối vốn từ Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

6. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng chức năng phối hợp với các Sở: Giao thông Vận tải, Xây dựng và chính quyền địa phương:

- Kiểm tra trật tự an toàn giao thông trên lòng đường và vỉa hè thuộc địa bàn phụ trách.

- Thực hiện xử lý các vi phạm sử dụng lòng đường và vỉa hè theo thẩm quyền quy định.

b) Phối hợp với UBND cấp huyện để xác định danh mục các khu vực, tuyến đường, các vị trí, địa điểm được sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè, được phép đậu xe dưới lòng đường.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Quản lý, bảo trì và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc phạm vi do đơn vị quản lý theo quy chế hoạt động của đơn vị và các quy định của nhà nước.

b) Chỉ đạo và cấp giấy phép các loại giáp phép về công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định này.

c) Đề xuất danh mục các tuyến đường được phép đậu xe dưới lòng đường (bao gồm có thu phí và không thu phí đậu xe), danh mục các khu vực, tuyến đường có vị trí, địa điểm được sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè; danh mục các công trình, tuyến đường được phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè vào việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa trong khu vực thuộc Ban quản lý trình UBND tỉnh quyết định.

8. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Tổ chức quản lý trực tiếp toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thuộc quyền quản lý;

b) Lập kế hoạch phát triển đồng bộ, tập trung hạ tầng kỹ thuật theo đúng trình tự thủ tục đầu tư và khai thác hiện hành;

c) Đề xuất danh mục các tuyến đường được phép đậu xe dưới lòng đường (bao gồm có thu phí và không thu phí đậu xe), danh mục các khu vực, tuyến đường có vị trí, địa điểm được sắp xếp, tổ chức làm bãi giữ xe trên vỉa hè; danh mục các công trình, tuyến đường được phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè vào việc kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa, trình UBND tỉnh quyết định;

d) Chỉ đạo tổ chức việc cấp các loại giấy phép về công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định này;

đ) Chỉ đạo các Phòng, ban và UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý theo thẩm quyền và tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

e) Định kỳ 06 tháng và 01 năm báo cáo tổng hợp công tác quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị về Sở Xây dựng và Sở Giao thông Vận tải.

9. UBND xã (thuộc ranh giới hành chính của đô thị), phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn theo phân cấp;

b) Đề xuất cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè ngoài mục đích giao thông đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm thường xuyên;

c) Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn mình quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng và đột xuất cho UBND cấp huyện về quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Giao Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ theo Quy định

này để tổ chức hướng dẫn, công khai thủ tục hành chính cho các công việc thuộc lĩnh vực do đơn vị phụ trách quản lý về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Woluh
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Woluh
Võ Kim Cự